

BÀI 7 LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp học sau:

- Học đúng lịch trình của môn học theo tuần, làm các bài luyện tập đầy đủ và tham gia thảo luận trên diễn đàn.
- Đọc tài liệu:
 1. Khoa Luật, Đại học Kinh tế quốc dân, 2012. Giáo trình Pháp luật đại cương. Tái bản lần thứ 5, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
 2. Hiến pháp 1992, sửa đổi bổ sung năm 2001.
 3. Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
 4. Bộ luật tố tụng hình sự 2003.
- Học viên làm việc theo nhóm và trao đổi với giảng viên trực tiếp tại lớp học hoặc qua email.
- Trang Web môn học.

Nội dung

Bài này đưa ra quan niệm chung về ngành luật hình sự Việt Nam, qua đó làm rõ hai chế định của Luật hình sự là tội phạm và hình phạt. Bài này cũng làm rõ về việc phân loại tội phạm, các loại hình phạt, đưa ra các tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự, với sự chú trọng vào các tội phạm kinh tế. Bài này cũng giới thiệu khái quát trình tự, thủ tục để giải quyết một vụ án hình sự.

Mục tiêu

- Tìm hiểu những quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi vi phạm pháp luật gây nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm;
- Tìm hiểu hệ thống hình phạt và cách áp dụng.

Tình huống dẫn nhập

Tình huống:

An và Bình có mâu thuẫn trong cuộc sống. An đã dùng dao đâm chết Bình. Trong trường hợp này, hành vi giết người của An được coi là tội phạm hay không? An phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý hình sự không nếu An được xác định mới có 13 tuổi ?



Những vấn đề này được tìm hiểu thông qua nội dung của bài học này.

7.1. Khái niệm chung về luật hình sự

7.1.1. Khái niệm

Luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của Việt nam, gồm tổng thể các quy phạm pháp luật xác định những hành vi nguy hiểm nào cho xã hội là tội phạm, đồng thời quy định hình phạt đối với những tội phạm ấy.

7.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật hình sự

Đối tượng điều chỉnh của Luật hình sự là quan hệ phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội. Quan hệ này phát sinh sau khi có hành vi phạm tội xảy ra.

Phương pháp điều chỉnh của luật hình sự là phương pháp mệnh lệnh quyền uy.

7.2. Tội phạm

7.2.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được Bộ luật hình sự bảo vệ.

Tội phạm có một số đặc điểm sau:

- Tội phạm trước hết phải là hành vi xác định của con người. Những suy nghĩ, sở thích cá nhân, đặc tính cá nhân khác của một người nếu nó chưa biểu hiện thành các hành vi cụ thể của con người thì không là đối tượng bị quy kết là tội phạm.
- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự. Chỉ những hành vi nguy hiểm cho xã hội được các nhà làm luật quy định trong Bộ luật hình sự mới được coi là tội phạm, những hành vi dù có nguy hiểm cho xã hội, nhưng nếu chưa được quy định trong Bộ luật hình sự cũng không bị coi là tội phạm. Hiện nay, tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Chủ thể thực hiện tội phạm phải có năng lực trách nhiệm hình sự. Năng lực này phụ thuộc vào độ tuổi và điều kiện về thần kinh. Người chưa đủ 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm vào tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm vào tội đặc biệt nghiêm trọng, người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự nếu phạm tội. Người mắc bệnh tâm thần hoặc các chứng bệnh khác dẫn đến không nhận thức, điều khiển được hành vi của mình thì cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự.
- Chủ thể thực hiện tội phạm phải có lỗi khi thực hiện hành vi. Nếu hành vi được thực hiện không có lỗi của người thực hiện hành vi thì không bị coi là tội phạm.

Tội phạm, theo Bộ luật hình sự 1999, được phân chia thành 4 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong đó:



- Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là đến 3 năm tù;
- Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là đến 7 năm tù;
- Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là đến 15 năm tù;
- Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm ấy là trên 15 năm tù, tù chung thân, tử hình.

7.2.2. Đồng phạm và những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự

Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Về mặt khách quan, đồng phạm là phải có từ hai người trở lên tham gia vào việc thực hiện một tội phạm. Về mặt chủ quan, những người tham gia vào đồng phạm phải cùng cố ý thực hiện tội phạm đó. Trong đồng phạm có thể có những người đồng phạm sau:

- Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Đó là người có hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm hoặc là người có hành vi lợi dụng hay sử dụng người khác để người này thực hiện hành vi phạm tội.
- Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm;
- Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm. Hành vi của người xúi giục làm cho người khác chưa có ý định phạm tội đã nảy sinh ý định phạm tội.
- Người giúp sức là người tạo ra những điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

Về nguyên tắc, người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự coi là tội phạm thì đều phải chịu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong một số trường hợp có những hành vi có đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm, nhưng hành vi đó được thực hiện trong những hoàn cảnh, điều kiện hết sức đặc biệt làm mất đi tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Hành vi này không bị coi là tội phạm và chủ thể thực hiện hành vi đó không phải chịu trách nhiệm hình sự. Những trường hợp đó được gọi là những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, bao gồm: phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết:

- Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.
- Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.



7.3. Hình phạt

7.3.1. Khái niệm

Là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.



Hình phạt có một số đặc điểm sau: Là loại trách chế tài nghiêm khắc nhất; Được xem xét, áp dụng trên cơ sở có hành vi phạm tội; Là trách nhiệm của người phạm tội đối với Nhà nước; Chủ thể bị áp dụng hình phạt: cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội; Thẩm quyền áp dụng hình phạt là Tòa án nhân dân; Để áp dụng hình phạt cho người

phạm tội, các cơ quan nhà nước phải tiến hành một thủ tục đặc biệt – thủ tục tố tụng hình sự.

7.3.2. Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp

- Hình phạt chính: Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình.
- Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định; Cấm cư trú; Quản chế; Tịch thu tài sản; Tước một số quyền công dân; Trục xuất (nếu không áp dụng là hình phạt chính); Phạt tiền (nếu không áp dụng là hình phạt chính)
- Các biện pháp tư pháp khác: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; Bắt buộc chữa bệnh; Giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng.

Trường hợp phạm nhiều tội Toà án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp thành hình phạt chung. Trường hợp một người đang phải chấp hành bản án mà lại bị đưa ra xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án đó, thì Toà án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung được tổng hợp trên cơ sở hình phạt mới và hình phạt của bản án trước. Thời gian chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung. Trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Toà án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa được chấp hành của bản án trước thành hình phạt chung.



Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

7.4. Tổ tụng hình sự

7.4.1. Khái niệm

Là trình tự, thủ tục các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết một vụ án hình sự. Hiện nay, việc giải quyết vụ án hình sự được thực hiện theo Bộ luật tố tụng hình sự do Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2004.

7.4.2. Thủ tục tố tụng

Thủ tục tố tụng hình sự trải qua các giai đoạn sau:

- **Khởi tố vụ án hình sự.** Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự. Ở giai đoạn này cơ quan có thẩm quyền xác định sự việc xảy ra có hay không có các dấu hiệu của tội phạm để quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Khi xác định có đầy đủ dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- **Điều tra vụ án hình sự.** Điều tra là một giai đoạn của tố tụng hình sự, trong đó cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự qui định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án. Cơ quan điều tra bao gồm: Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân.
- **Truy tố bị can.** Sau khi kết thúc điều tra, cơ quan điều tra chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án, kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can cho Viện kiểm sát để thực hiện giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng, đó là truy tố. Giai đoạn truy tố bắt đầu từ khi Viện kiểm sát nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra.
- **Xét xử sơ thẩm.** Kết thúc giai đoạn truy tố, nếu Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can thì phải gửi hồ sơ vụ án và quyết định truy tố đến Tòa án để Tòa án tiến hành xét xử sơ thẩm. Xét xử sơ thẩm được hiểu là xét xử lần đầu và toàn bộ nội dung vụ án.
- **Xét xử phúc thẩm.** Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án chưa có hiệu lực pháp luật mà bị kháng cáo hoặc kháng nghị một cách hợp lệ. Khi Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét xử trong thời hạn luật định.
- **Thi hành bản án và quyết định của tòa án.** Thi hành án là một giai đoạn của tố tụng hình sự nhằm thực hiện bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật



- Xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trong các trường hợp đặc biệt, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có thể bị đình chỉ thi hành để xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nếu có kháng nghị.
 - Giám đốc thẩm là việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện những vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hoặc kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án.
 - Tái thẩm là việc xét lại những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện thấy những tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, các đương sự không biết được khi ra bản án, quyết định đó.

Tóm lược cuối bài

Một số nội dung cần nắm vững:

- Khái niệm luật hình sự, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.
- Khái niệm, phân loại tội phạm.
- Đồng phạm và các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.
- Hình phạt áp dụng đối với các hành vi phạm tội.
- Thủ tục tố tụng hình sự.